TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 505/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15-8-2024
V/v ly hôn Hải – Phượng Em

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Thể Phượng.

Bà Nguyễn Thuý Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 376/2024/TLST- HNGĐ ngày 12/6/2024 về tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 352/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1985.

Trú tại: Ấp Đ, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Bà Trần Thị Phượng E, sinh năm 1992.

Trú tại: ấp B, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/06/2024 nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Hôn nhân của bà Phượng E, ông H do mai mối rồi đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57, quyển số 01 ngày 20 tháng 03 năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc tại xã P quê của bà Phượng

E đến cuối năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn chủ yếu về kinh tế gia đình, ông H bị tai nạn nghề nghiệp làm công nhân gánh cá thuê, không may bị kỳ cá đâm trúng không thể đi đứng và làm việc trong vài tháng, bà P Em điện thoại kêu cha mẹ đẻ ông H lên nhận con về, vợ chồng ly thân từ đó. Trong thời gian ly thân vợ chồng không gặp mặt và cũng không điện thoại qua lại hỏi thăm nhau, tình cảm vợ chồng vì thế dần phai nhạt, nay tình cảm không còn ông H yêu cầu ly hôn với bà Phượng E.

Con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Văn Q, sinh ngày 09/01/2008 và Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 29/11/2012, con chung Văn Quân đang sống với ông H, cháu Phương L đang sống với bà Phượng E, khi ly hôn ông H đồng ý giao con chung Phương L cho bà P Em tiếp tục nuôi dưỡng, ông nuôi Văn Q1, không ai cấp dưỡng cho ai.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Trần Thị Phượng E vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân được đại diện ấp B, xã P cho biết: Bà Trần Thị Phượng E, sinh năm 1992 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã P, huyện P, tỉnh An Giang, tuy nhiên hiện nay bà P Em không có mặt tại địa phương, đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà. Về tình trạng hôn nhân giữa ông H, bà Phượng E như thế nào thì địa phương không rõ.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng và đề xuất như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Bà Phượng E không có mặt theo các thông báo là thực hiện không đúng Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu cho ông H được ly hôn bà Phượng E. Vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Văn Q, sinh ngày 09/01/2008 và Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 29/11/2012, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: ông Nguyễn Văn H yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với bà Phượng E nên xác định quan hệ tranh chấp là *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại xã P, huyện P, tỉnh An Giang nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Trần Thị Phượng E được tống đạt hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1 Về hôn nhân: ông H, bà Phượng E tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống năm 2008 và có đăng ký kết hôn năm 2013 là hôn nhân hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. ông H cho rằng bà Phượng E không quan tâm chăm sóc gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cách sống, do ông H bị tai nạn nghề nghiệp nên chị Phượng E không yêu thương chăm sóc, tình cảm vợ chồng vì thế dần phai nhạt, năm 2015 ông H về quê ở Cần Thơ sinh sống, vợ chồng ly thân, trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai, không có ý hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, ông H xin ly hôn bà Phượng E.

Theo quy định tại Điều 19, Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau*….". Thế nhưng vợ chồng ông H, bà Phượng E không còn chung sống khoảng 09 năm nay là khoảng thời gian dài. Điều này chứng tỏ vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cũng như không thể chia sẻ công việc trong gia đình với nhau được nữa, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thống nhất cho ông H được ly hôn bà Phượng E.

[2.2] Về con chung: Ông H, bà Phượng E có hai con chung tên Nguyễn Văn Q, sinh ngày 09/01/2008 và Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 29/11/2012, con chung Văn Quân đang sống với ông H, cháu Phương L đang sống với bà Phượng E, khi ly hôn ông H đồng ý giao con chung Phương L cho bà P Em tiếp tục nuôi dưỡng, ông nuôi Văn Q1, không ai cấp dưỡng cho ai. Bà Phượng E vắng mặt không có ý kiến về con chung và yêu cầu cấp dưỡng nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[2.3] ông H trình bày tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết. Nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân thì phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[2.4] Về án phí: ông H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H

Về hôn nhân: Cho ông Nguyễn Văn H được ly hôn bà Trần Thị Phượng E.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Văn Q, sinh ngày 09/01/2008 cho ông Nguyễn Văn H được tiếp tục nuôi dưỡng, con chung Văn Quân đang sống với ông H

Giao con chung Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 29/11/2012 cho bà Trần Thị Phượng E được tiếp tục nuôi dưỡng, con chung Phương L đang sống chung bà Phượng E. Ông H, bà Phượng E không phải cấp dưỡng cho con lẫn nhau.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, cơ quan tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

Về án phí: ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007019 ngày 11/6/2024 của Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Ông Nguyễn Văn H không phải nộp thêm án phí.

Bà Trần Thị Phượng E không phải chịu án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông H, bà Phượng E vắng mặt thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã Long Điền B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Ngọc Thảo